CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP X20

Ngày 31/12/2025	13,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.0%	**3.2%**	**2.1%**

DT thuần
Q4/25
419
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 144| 52.3%
YoY: ▼157| -27.3%

LN thuần
Q4/25
9.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.51| -36.7%
YoY: ▼25.2| -72.6%

LN sau thuế
Q4/25
7.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.31| -36.2%
YoY: ▼22.2| -74.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.0%
YoY: +/-▼ 0.5%

ROE
2025
7.2%
YoY: +/-▼ 9.2%

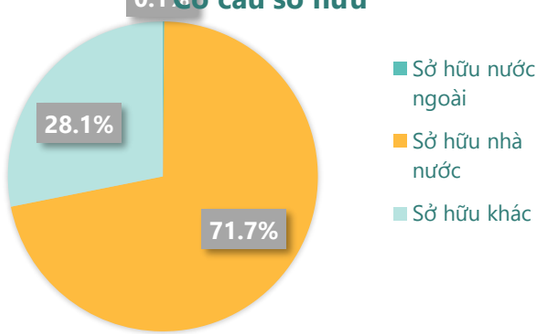
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,482 - 17,662
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	224
Số lượng CPLH (CP)	17,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,190
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.01
EPS	1,221
P/E	10.6

DT thuần
2025
1,122
tỷ VNĐ
YoY: ▼180| -13.8%

LN thuần
2025
42.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.3| -26.6%

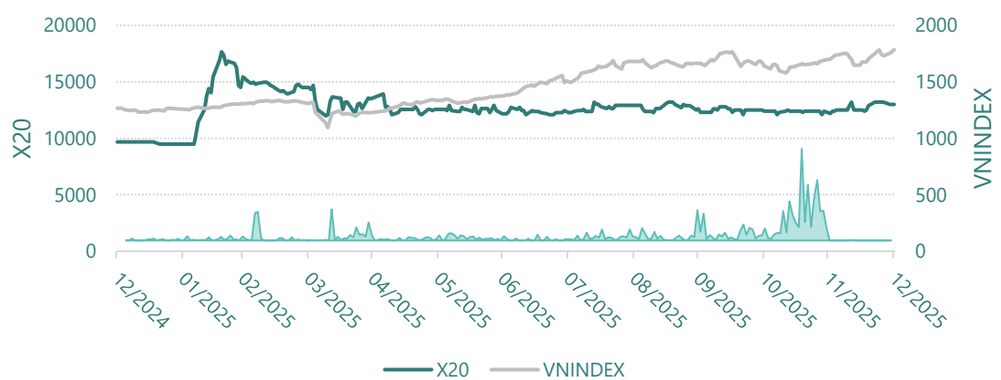
LN sau thuế
2025
34.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.4| -23.1%

Cơ cấu sở hữu

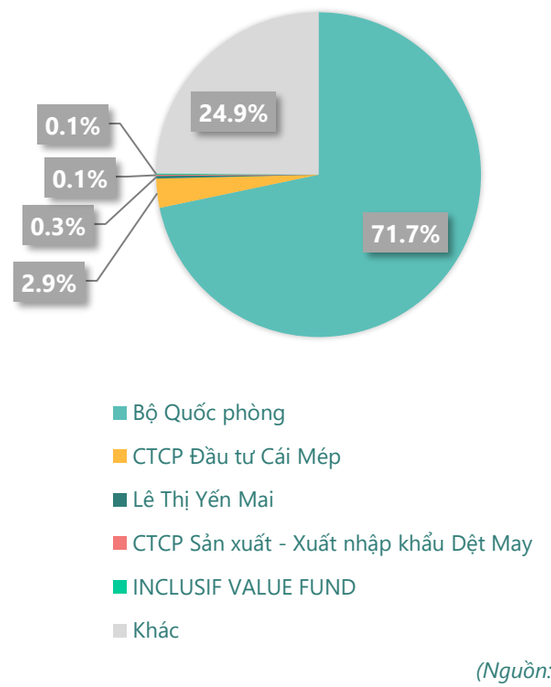


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



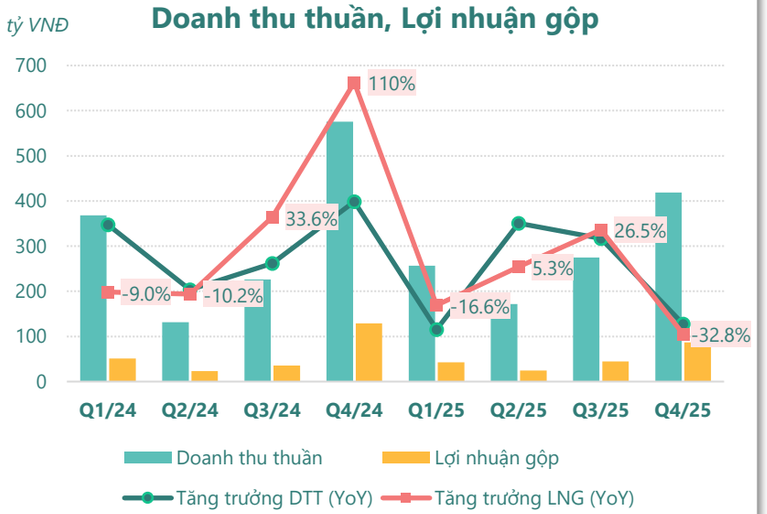
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

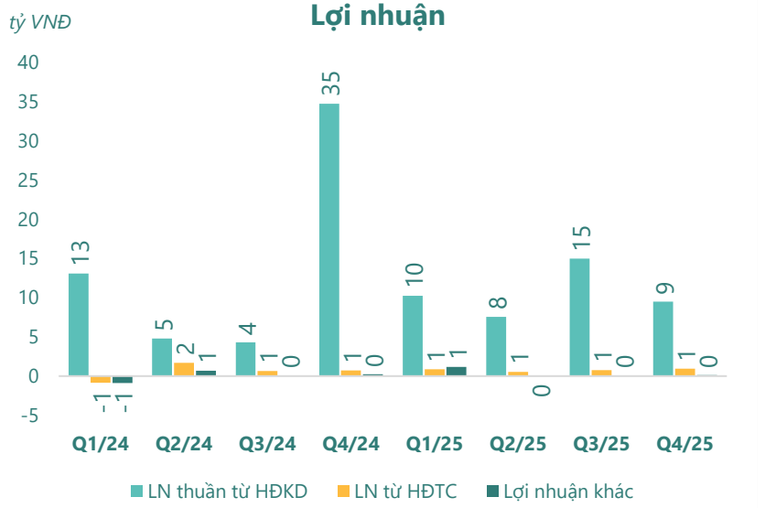
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



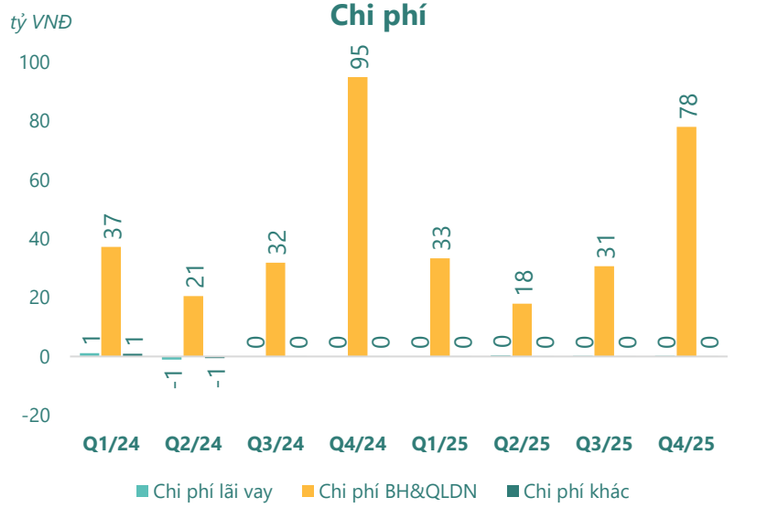
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



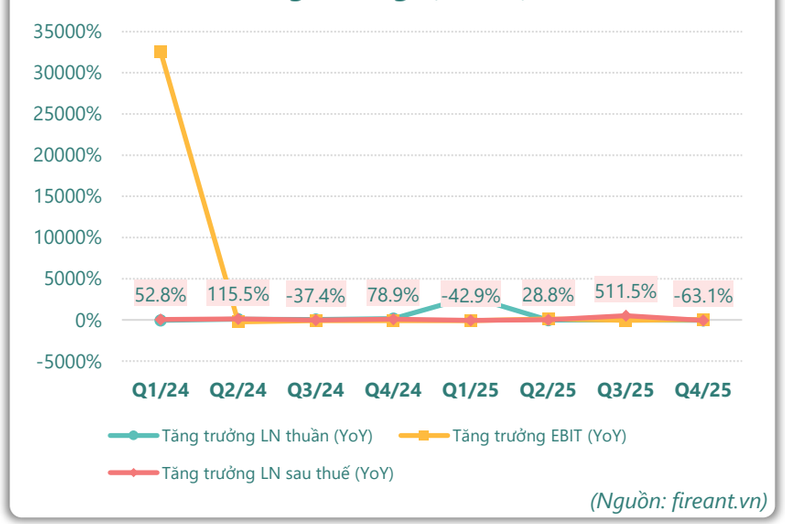
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



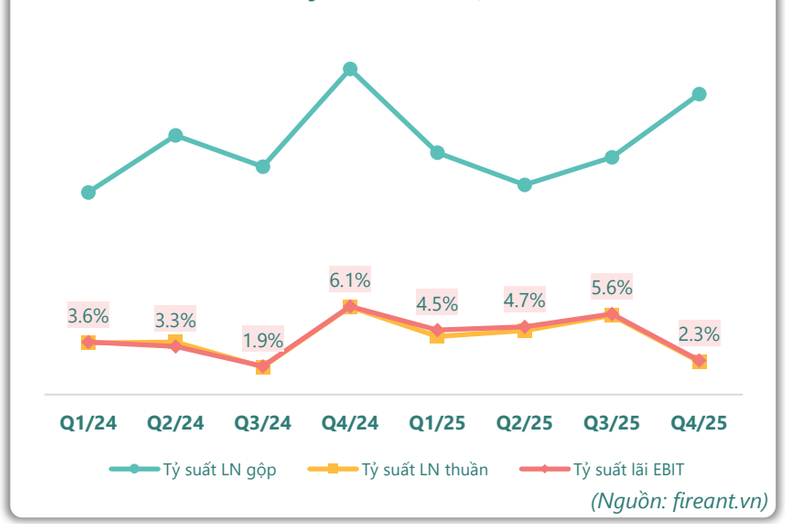
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



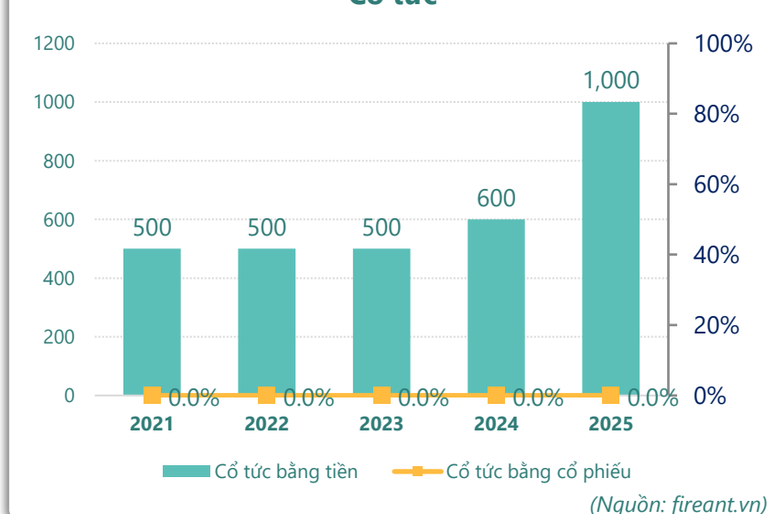
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

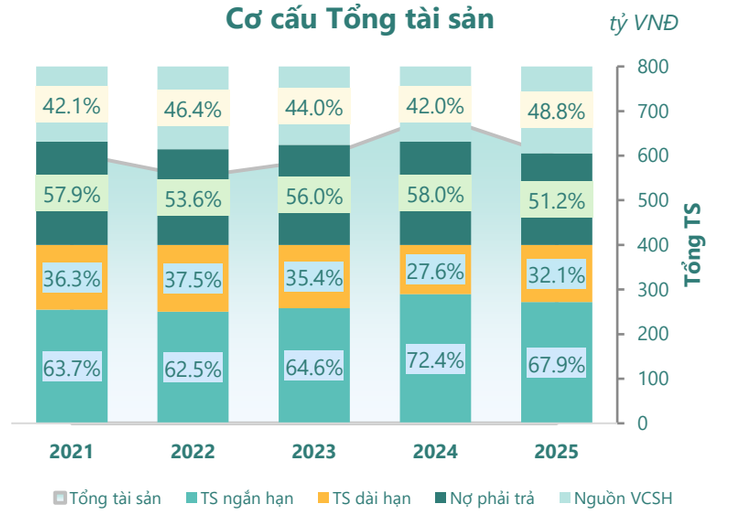
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

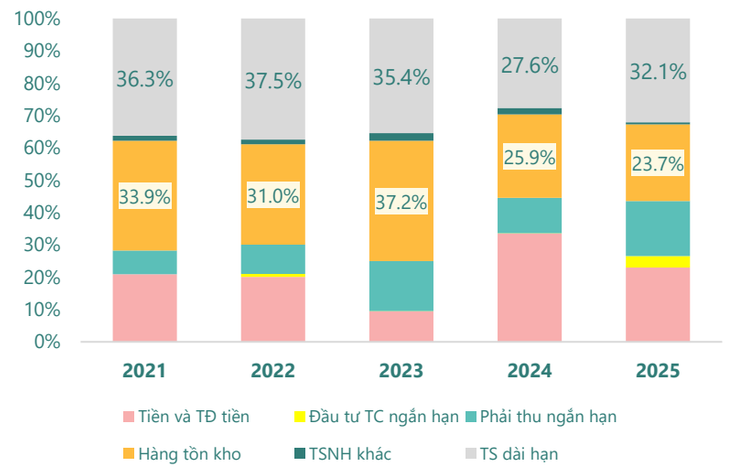
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



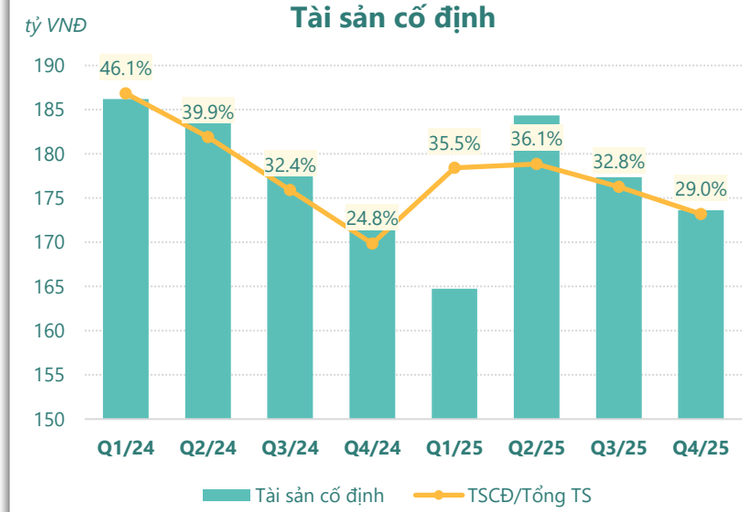
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



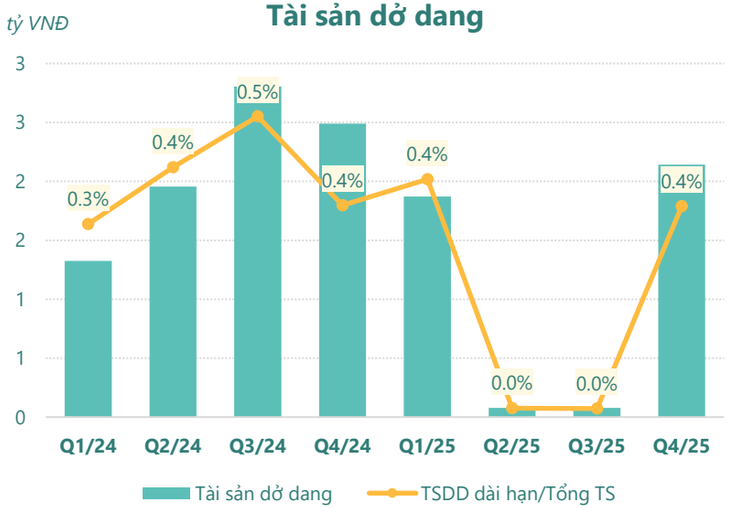
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



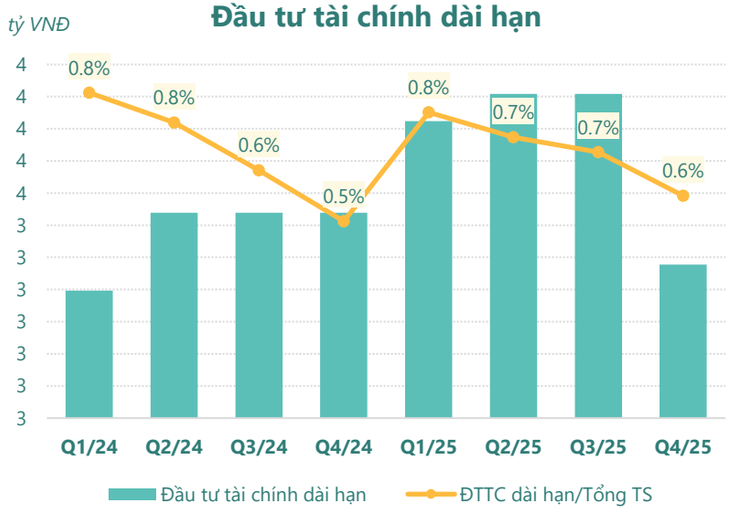
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



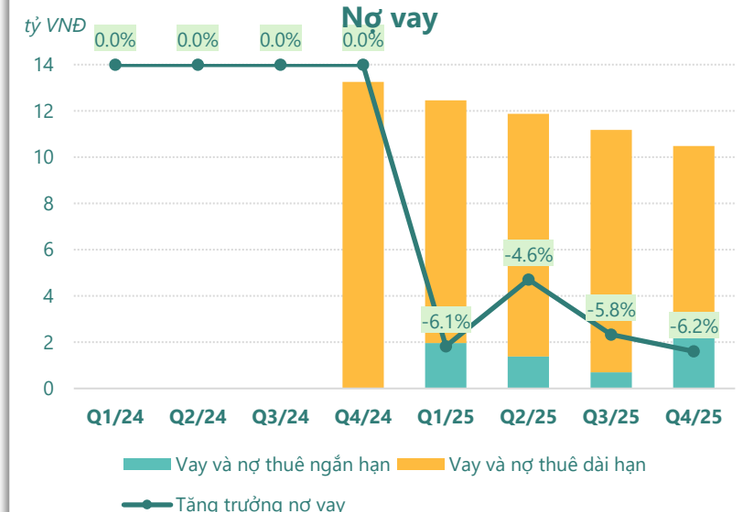
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

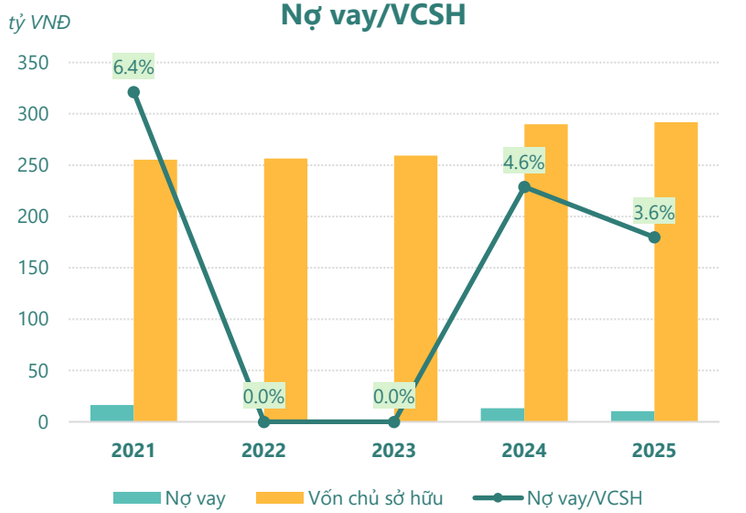
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

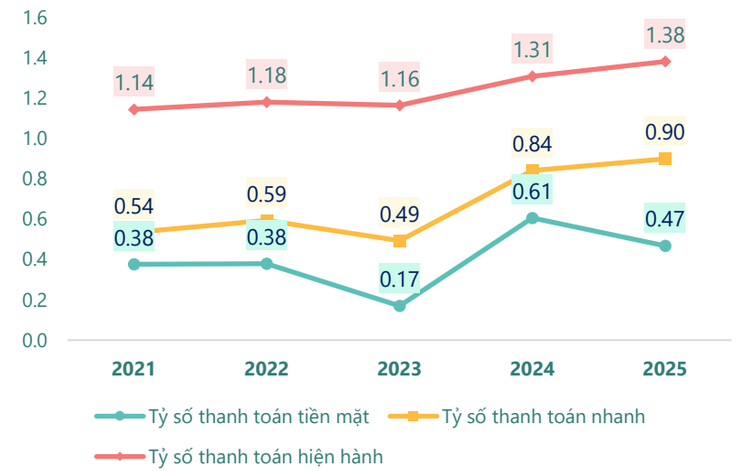
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



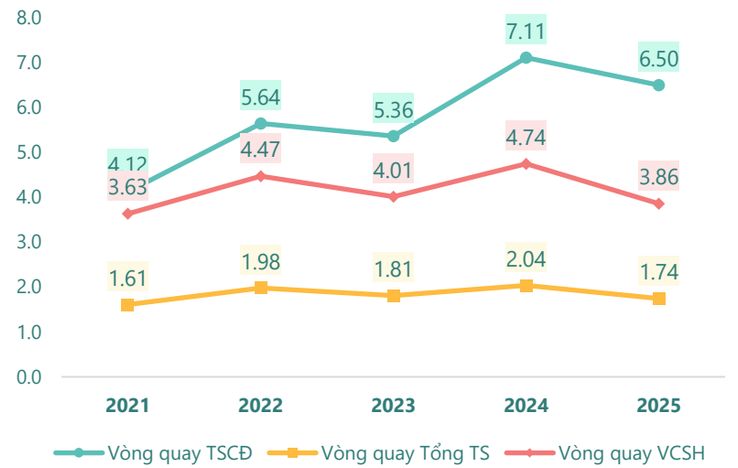
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



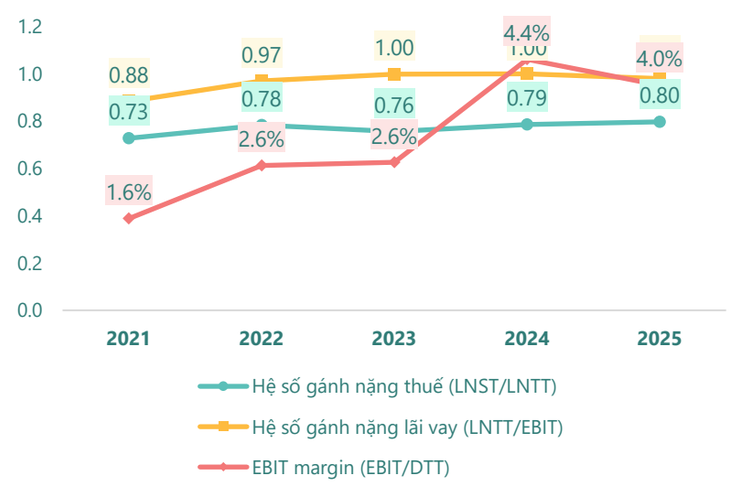
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



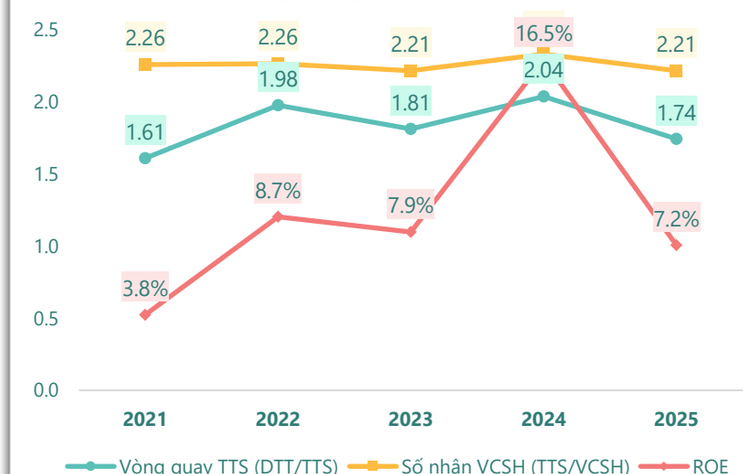
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



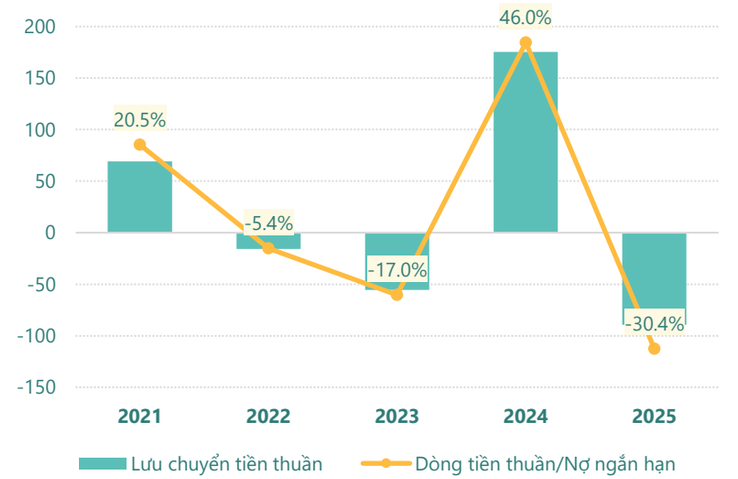
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**419**	**576**	**-27.3%**	**1,122**	**1,302**	**-13.8%**
Giá vốn hàng bán	332	446	-25.5%	923	1,062	-13.1%
Lợi nhuận gộp	86.7	129	-32.8%	199	240	-16.9%
Doanh thu HĐTC	1.16	0.71	63.6%	4.02	2.32	73.2%
Chi phí TC	0.22	0.00		0.93	0.14	579%
Chi phí lãi vay	0.19	0.00		0.87	0.00	177721%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.17**	**0.62**	**-73.2%**
Chi phí bán hàng	4.19	30.7	-86.4%	8.50	36.6	-76.8%
Chi phí QLDN	**73.9**	**64.4**	**14.8%**	**152**	**148**	**2.4%**
LN thuần từ HĐKD	9.49	34.7	-72.6%	42.3	57.6	-26.6%
Lợi nhuận khác	**0.13**	**0.24**	**-46.7%**	**1.37**	**-0.04**	**3202%**
LN trước thuế	9.62	35.0	-72.5%	43.6	57.6	-24.2%
Lợi nhuận sau thuế	**7.59**	**29.8**	**-74.5%**	**34.8**	**45.2**	**-23.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.59**	**29.8**	**-74.5%**	**21.1**	**45.2**	**-53.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	51.7	75.3	-80.8	-2.69	15.9	81.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.33	0.11	0.00	-24.9	-22.0	-16.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	3.39	-0.81	-0.58	-1.74	-37.1
Tiền đầu kỳ	101	152	231	149	117	110
Lưu chuyển tiền thuần	**51.4**	**78.8**	**-81.6**	**-28.2**	**-7.82**	**28.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.11	0.40	0	0.19	0.01	-0.18
Tiền cuối kỳ	152	231	149	121	110	138

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**599**	**689**	**-13.1%**
Tài sản ngắn hạn	407	499	-18.4%
Tiền và tương đương tiền	138	231	-40.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.9	0.40	5126%
Phải thu ngắn hạn	102	75.1	35.9%
Hàng tồn kho	142	178	-20.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.86	13.7	-71.9%
Tài sản dài hạn	**192**	**190**	**0.8%**
Phải thu dài hạn	0.00	0	
Tài sản cố định	174	172	1.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.14	2.49	-14.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.39	3.61	-6.2%
Tài sản dài hạn khác	**12.9**	**12.6**	**2.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	307	399	-23.2%
Nợ ngắn hạn	**294**	**381**	**-22.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.77	2.77	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	151	189	-20.3%
Nợ dài hạn	12.5	18.1	-31.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.72	10.5	-26.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**292**	**290**	**0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**292**	**290**	**0.7%**
Vốn điều lệ	172	173	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)